

Bản án số: 48/2023/DSPT
Ngày: 31/01/2023
V/v: “*Tranh chấp hợp đồng
thi công*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

- *Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà **Phan Thị Hồng Dung**

- *Các thẩm phán:* Bà **Trần Thị Thanh Giang**

Bà **Nguyễn Thị Thùy Trang**

- *Thư ký phiên tòa:* Ông **Huỳnh Minh Đức** – Thư ký **Tòa án nhân dân
thành phố Cần Thơ.**

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ tham gia phiên tòa:*
Ông **Nguyễn Văn Phi** – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 29 và 31 tháng 01 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 357/2023/TLPT-DS ngày 11 tháng 10 năm 2023 về “*Tranh chấp hợp đồng thi công*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 440/2023/QĐXXPT-DS ngày 19 tháng 10 năm 2023.

Do bản án số 145/2023/DSST ngày 12/7/2023 của TAND quận Ninh kiều, thành phố Cần Thơ xử sơ thẩm có kháng cáo, giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* Ông **Hồ Thanh G**, sinh năm 1981

Địa chỉ: **Số A, đường T, phường A, quận N, thành phố Cần Thơ.**

Người đại diện theo ủy quyền: Ông **Trần Vũ Thanh T** – văn bản ủy quyền 15/01/2021 (Có mặt).

* *Bị đơn:* **Công ty TNHH T2**

Địa chỉ: **Số B, ấp Q, xã T, huyện V, thành phố Cần Thơ.**

Người đại diện theo pháp luật bà **Trần Thị Lan A**, sinh năm 1983 – Giám đốc (Có mặt).

* *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

- **Công ty Cổ phần N**

Địa chỉ: **Tầng A, Tòa nhà S, 1 K, phường N, Quận A, thành phố Hồ Chí Minh.**

Người đại diện theo pháp luật ông **Huỳnh Công Nhuệ C** – Tổng Giám đốc (Vắng mặt).

- Công ty TNHH C1

Địa chỉ: **A, đường số E, khu dân cư N, quận C, thành phố Cần Thơ.**

Người đại diện theo pháp luật ông **Huỳnh Thành T1**- Chức vụ: Giám đốc (Yêu cầu giải quyết vắng mặt).

Người kháng cáo: Nguyên đơn ông **Hồ Thanh G**

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông **Trần Vũ Thanh T** trình bày và yêu cầu:*

Nguyên vào ngày 07/8/2020, nguyên đơn có ký Hợp đồng thi công 03 bên số 070820/HDTC-NTDG/2020 với đơn vị thi công: **Công ty TNHH T2** (gọi tắt là **Công ty T2**) và bên giám sát toàn bộ công trình - **Công ty cổ phần N** với các nội dung chính như sau: **Công ty TNHH T2** nhận sản xuất và gia công gỗ nội thất cho toàn bộ căn biệt thự tại **số A T, C, Q. N, TP .** với tổng giá trị hợp đồng là 2.220.331.000 đồng và được chia làm 2 đợt thanh toán: đợt 1 là 40% tổng giá trị hợp đồng, tương đương 888.132.400 đồng ngay thời điểm ký hợp đồng và đợt 2 là 60% còn lại tổng giá trị hợp đồng, tương đương 1.332.198.600 đồng ngay sau khi nghiệm thu hoàn thiện và bàn giao công trình. Thời gian hoàn thành 04 tháng kể từ ngày thanh toán đợt một.

Sau khi ký hợp đồng, vào ngày 11/8/2021 nguyên đơn đã thanh toán 888.132.400 đồng cho **Công ty T2** mua nguyên vật liệu và trả chi phí cho nhân công để thực hiện đúng tiến độ công trình. Nhưng kể từ ngày nhận đủ số tiền thanh toán đợt 1, bị đơn chỉ lắp đặt được khoảng 10 khuôn bao cửa phòng với giá trị khoảng 60.000.000 đồng và đến nay không lắp đặt gì thêm. Nguyên đơn và **Công ty cổ phần N** (là đơn vị giám sát công trình) đã nhiều lần liên hệ, thông báo, phản ánh nhưng **Công ty T2** vẫn không có thiện chí thương lượng để giải quyết vấn đề còn tồn đọng. Do **công ty T2** đã tự ý chấm dứt Hợp đồng và bỏ ngang thi công làm cho nguyên đơn và các đơn vị thầu khác gặp nhiều khó khăn trong việc hoàn thành các hạng mục công trình khác, ảnh hưởng đến tiến độ thực hiện các hợp đồng phụ khác của công trình.

Ngoài ra, nguyên đơn còn đặt **Công ty TNHH T2** gia công thêm 04 giường ngủ với trị giá 187.000.000 đồng và nguyên đơn đã chuyển đủ tiền vào ngày 10/8/2020 nhưng đến nay vẫn chưa thực hiện.

Vì vậy phía nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết:

1. Tuyên hủy hợp đồng thi công số: 070820/HĐTC-NTĐG/2020 ngày 07/8/2020 giữa ông **Hồ Thanh G** với **Công ty T2**;

2. Buộc **Công ty T2** hoàn trả lại cho nguyên đơn số tiền 888.132.400 đồng và buộc **Công ty T2** bồi thường số tiền 888.132.400 đồng;

3. Buộc **Công ty T2** chịu phạt vi phạm hợp đồng $12\% \times 2.220.331.000$ đồng = 266.439.720 đồng;

4. Buộc **Công ty T2** trả lại cho nguyên đơn số tiền 187.000.000 đồng và lãi suất phát sinh tạm tính đến ngày khởi kiện: $0.75\% \times 187.000.000 \times 15$ (tháng) = 21.037.500 đồng.

Ông **Hồ Thanh G** đề nghị phía **Công ty T2** tạm thời di dời toàn bộ nội thất đang để ở công trình biệt thự của ông **G** đi nơi khác để tiếp tục thi công nhà. Mọi chi phí thuê kho bãi bảo quản **Công ty T2** có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

** Đại diện theo pháp luật của bị đơn bà **Trần Thị Lan A** trình bày:*

Công ty T2 xác nhận có việc ký kết hợp đồng như phía nguyên đơn trình bày. Tuy nhiên, phía bị đơn không đồng ý với yêu cầu của phía nguyên đơn bởi các lý do sau:

- Sau khi ký hợp đồng thì phía ông **Hồ Thanh G** đã chuyển tiền đợt 1 theo đúng thỏa thuận và **Công ty T2** đã thực hiện việc gia công đồ gỗ theo đúng hợp đồng đã ký kết. Tuy nhiên, do nhà của ông **G** xây dựng và hoàn thành chậm tiến độ so với thời gian thi công nên phía **Công ty T2** không thể thực hiện được việc lắp ráp những khung đồ gỗ nội thất theo đúng tiến độ đã cam kết trong hợp đồng.

- Ngày 01/11/2020 khi làm việc với ông **Ngô Minh D** là đại diện của **Công ty N** xác nhận giai đoạn gia công đồ gỗ đã đạt được 80% so với hợp đồng đã ký kết. Đến ngày 27/01/2021 việc gia công đã được 85% công việc trong hợp đồng (bao gồm những sản phẩm phát sinh sau khi ký hợp đồng).

- Khi tiến hành lắp ráp thì phát hiện nhà của ông **G** đã thi công sai so với kích thước trong bản vẽ thiết kế ban đầu nên những đồ gỗ nội thất đã gia công trước đó không thể lắp ráp vào được. Phía **Công ty T2** đã nhiều lần liên hệ đề nghị ông **G** chỉnh sửa các hạng mục sai so với thiết kế để **Công ty T2** tiếp tục thi công nhưng ông **G** vẫn không thực hiện. Hiện tại **Công ty T2** hoàn thiện 85% toàn bộ đồ gỗ theo hợp đồng đã ký kết được tập kết tại xưởng, còn lại 15% lắp đặt tại công trình.

- **Công ty T2** xác nhận có nhận gia công thêm 04 giường ngủ với trị giá

187.000.000 đồng và nguyên đơn đã chuyển đủ tiền vào ngày 10/8/2020. Tuy nhiên, do phía ông **G** còn nợ khoảng 40% những chi phí phát sinh (những hạng mục phát sinh thêm ngoài hợp đồng) nên tạm thời sau khi giải quyết xong vụ kiện **Công ty T2** sẽ bàn giao sau.

Công ty TNHH T2 xác nhận có nhận gia công thêm 04 giường ngủ với trị giá 187.000.000đ (Một trăm tám mươi bảy triệu đồng) và nguyên đơn đã chuyển đủ tiền vào ngày 10/8/2020.

Ngoài ra, trong quá trình thi công thì có phát sinh thêm một số hạng mục: tủ trung bày, các kệ ở phòng tắm...và phía **Công ty T2** cũng đã hoàn thành đúng tiến độ. **Công ty T2** không đồng ý với ý kiến và yêu cầu của ông **Hồ Thanh G** vì **Công ty T2** không vi phạm.

Vi bằng của ông **G** lập không đúng so với hiện trạng thực tế thời điểm **Công ty T2** ngưng thi công nhà của ông **G**. Đối với những đồ gỗ nội thất đã vận chuyển đến công trình biệt thự của ông **G**, đề nghị tạm thời vẫn để tại đó, sau khi tiến hành đo đạc và kiểm tra hiện trạng các hạng mục của công trình sẽ tiến hành vận chuyển sau.

** Ý kiến của đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan **Công ty N** - bà **Nguyễn Thị Cẩm H** trình bày:*

Ngày 25/6/2020, **Công ty cổ phần N** (gọi tắt là **Công ty N**) và ông **Hồ Thanh G** có ký Hợp đồng tư vấn số 2506/HĐTV& QLCT/NS2020 về việc tư vấn và quản lý công trình” đối với biệt thự tọa lạc tại địa chỉ **số A T, C, quận N, thành phố Cần Thơ**.

Tiếp đến, ngày 07/8/2020, **Công ty N** có ký Hợp đồng thi công 03 bên số 070820/HĐTC-NTĐG/2020 với chủ đầu tư ông **Hồ Thanh G** và đơn vị thi công là **Công ty T2** với các nội dung chính như sau: **Công ty T2** nhận sản xuất và gia công nội thất cho toàn bộ căn biệt thự tại **số A T, C, quận N, thành phố Cần Thơ** với tổng giá trị hợp đồng là 2.220.331.000 đồng và được chia làm 2 đợt thanh toán: Đợt 1 là 40% tổng giá trị hợp đồng, tương đương 888.132.400 đồng ngay thời điểm ký hợp đồng, đợt 2 là 60% còn lại tổng giá trị hợp đồng, tương đương 1.332.198.600 đồng ngay sau khi nghiệm thu hoàn thiện và bàn giao công trình. Thời gian hoàn thành 04 tháng kể từ ngày thanh toán đợt 1.

Thực hiện theo Hợp đồng đã ký, ngày 11/8/2021 ông **G** đã chuyển khoản thanh toán số tiền đợt 1 là 888.132.400 đồng, nhưng kể từ ngày nhận đủ số tiền thanh toán đợt 1, **Công ty T2** chỉ lắp đặt được khoảng 10 khuôn bao cửa phòng với giá trị khoảng 60.000.000 đồng, vận chuyển đến công trình 01 số gỗ chưa

thành phẩm và đến nay chưa hoàn thiện thêm được hạng mục nào, bỏ mặc và không thi công theo hợp đồng đã ký ngày 07/8/2020.

Công ty N là đơn vị tư vấn, quản lý và giám sát toàn bộ công trình, phần nội thất đồ gỗ là một phần quan trọng trong số rất nhiều hạng mục của công trình và trong quá trình thi công thì có phát sinh thêm một số hạng mục: tủ trung bày, các kệ ở phòng tắm...như **Công ty T2** trình bày. Việc chậm trễ thi công của **Công ty T2** làm ảnh hưởng đến toàn bộ tiến độ hoàn thành của các hạng mục khác của công trình, nên **Công ty N** đã tích cực nhiều lần liên hệ, thông báo, phản ánh nhưng **Công ty T2** vẫn không có thiện chí thương lượng để giải quyết vấn đề. Nếu bên **Công ty T2** vẫn tiếp tục trì trệ thì sẽ ảnh hưởng đến toàn bộ các hạng mục khác của toàn bộ công trình và khi đó ông **G** sẽ phát sinh thêm những tranh chấp mới với các nhà thầu phụ khác.

** Ý kiến của đại diện theo pháp luật của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan **Công ty TNHH C1** – ông **Huỳnh Thành T1** trình bày:*

Công ty TNHH C1 (gọi tắt là **Công ty C1**) là đơn vị thi công cho công trình biệt thự tại **số A T, C, quận N, thành phố Cần Thơ**. Quá trình thi công **Công ty C1** đã thực hiện đúng thiết kế trong bản vẽ được phía chủ đầu tư ông **G** cung cấp, tuy nhiên trong quá trình thi công có một số hạng mục thay đổi so với thiết kế ban đầu nên có chậm so với tiến độ trong hợp đồng đã ký kết. Việc điều chỉnh phía **Công ty C1** có trao đổi với phía ông **G** và có sự đồng ý của bên giám sát do ông **G** thuê, có biên bản nghiệm thu thể hiện việc chủ đầu tư đồng ý. Việc chậm tiến độ thi công nội thất là do có một số hạng mục có sự điều chỉnh kéo theo một số hạng mục khác cũng chậm tiến độ theo (như lắp trần, cửa, sơn tường...), do phải hoàn thành trước mới thực hiện được việc lắp ráp nội thất.

Công ty C1 đã thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ theo hợp đồng thi công đã ký kết với ông **G**, việc tranh chấp giữa các bên không liên quan đến **Công ty C1** và **Công ty C1** cũng không có ý kiến đối với nội dung tranh chấp giữa các bên.

Tại phiên tòa sơ thẩm;

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đề nghị Tòa án:

- Tuyên hủy Hợp đồng thi công số: 070820/HĐTC-NTĐG/2020 ngày 07/8/2020 giữa ông **Hồ Thanh G** với **Công ty TNHH T2**.

- Buộc **C2** hoàn trả lại cho nguyên đơn số tiền 888.132.400 đồng và buộc **Công ty TNHH T2** bồi thường số tiền 888.132.400 đồng.

- Buộc Công ty TNHH T2 chịu phạt vi phạm hợp đồng theo thỏa thuận tại Điều 7 của hợp đồng đã ký là $12\% \times 2.220.331.000 \text{ đồng} = 266.439.720 \text{ đồng}$.

- Buộc Công ty TNHH T2 trả lại cho nguyên đơn số tiền 187.000.000 đồng lãi suất phát sinh 0.75% tính từ ngày 10/8/2020 tạm tính đến ngày khởi kiện là 21.037.500 đồng và yêu cầu được tiếp tục tính đến ngày xét xử sơ thẩm.

Nguyên nhân hủy hợp đồng là do phía bị đơn chậm trễ tiến độ so với hợp đồng đã ký là 04 tháng. Khoảng tháng 8/2020 nguyên đơn đã bàn giao những hạng mục thi công được cho phía bị đơn thực hiện việc lắp ráp nội thất, đồng thời trong quá trình thi công phía nguyên đơn đã cho thêm thời gian để hoàn thành nhưng phía bị đơn vẫn không hoàn thành. Do năng lực của phía bị đơn kém nên sản phẩm thi công không đạt chất lượng như hợp đồng đã ký, phía nguyên đơn đã nhiều lần yêu cầu sửa chữa tại các biên bản làm việc giữa hai bên nhưng phía bị đơn vẫn không khắc phục.

Đối với 04 giường ngủ ông Hồ Thanh G đã đặt: Do phía bị đơn bàn giao chậm tiến độ nên nguyên đơn không đồng ý nhận sản phẩm.

Đối với những hạng mục bị đơn lắp đặt trước đó mà nguyên đơn đã tháo dỡ khoảng 60.000.000 đồng ông G đồng ý khấu trừ lại giá trị những hạng mục này vào số tiền bị đơn có nghĩa vụ trả lại cho nguyên đơn.

Bị đơn trình bày: Không đồng ý với lời trình bày của nguyên đơn, Bị đơn không chấp nhận ý kiến của nguyên đơn trong các biên bản làm việc ngày 11/6/2021, 19/6/2021 và 23/6/2021. Căn cứ biên bản nghiệm thu ngày 27/01/2021 của ông Ngô Minh D chấp nhận các lỗi của sản phẩm nên bị đơn mới tiếp tục gia công và vận chuyển sản phẩm đến công trình để lắp đặt.

Đối với việc chậm thời gian bắt đầu thi công so với thỏa thuận trong hợp đồng: Quá trình thực hiện hợp đồng ngày 17/6/2021 phía nguyên đơn mới bàn giao mặt bằng, chậm hơn thỏa thuận ban đầu là 07 tháng. Hơn nữa trong quá trình thi công nhà thô phía nguyên đơn có thay đổi một số hạng mục của công trình nhà nhưng không báo cho phía bị đơn biết để điều chỉnh đồ gỗ nội thất nên khi tiến hành lắp đặt thực tế tại công trình không phù hợp. Bị đơn đã nhiều lần đề nghị phía Công ty N và ông G khắc phục để bị đơn tiếp tục thi công nhưng phía ông G và Công ty N không hợp tác để khắc phục mà ra thông báo không cho bị đơn tiếp tục lắp đặt đồ gỗ. Ngoài ra, khi hai bên chưa thỏa thuận và thanh lý hợp đồng thì ông G đã tự ý tháo dỡ toàn bộ những hạng mục mà phía bị đơn đã lắp đặt trước đó và thuê đơn vị khác vào thi công nhưng không thông báo cho bị đơn biết. Do phía bị đơn không vi phạm hợp đồng nên không đồng ý với yêu cầu hủy bỏ hợp

đồng và bồi thường thiệt hại của phía nguyên đơn, đề nghị ông **G** trả lại hiện trạng nhà như ban đầu để **Công ty T2** tiếp tục thực hiện hợp đồng thi công những hạng mục còn lại.

Đối với 04 giường ngủ giữa nguyên đơn và bị đơn có thỏa thuận gia công 04 giường ngủ nhưng giữa hai bên không có ký hợp đồng bằng văn bản, phía bị đơn cũng đã nhận đủ tiền, phía bị đơn cũng đã thi công xong, hai bên thỏa thuận khi nào thi công xong nội thất đồ gỗ của nhà nguyên đơn sẽ vận chuyển xuống bàn giao. Tuy nhiên, do phía ông **G** tự ý chấm dứt hợp đồng và không cho người của **Công ty T2** vào công trình nên không thể bàn giao được. Hiện các sản phẩm trên **Công ty T2** đã gia công xong, lưu giữ tại kho của Công ty và chờ bàn giao cho ông **G** nhưng phía ông **G** không hợp tác nên không thể giao cho ông **G**, vì vậy bị đơn đề nghị được tiếp tục thực hiện theo thỏa thuận bàn giao 04 giường ngủ cho ông **G**.

Tại bản án số 145/2023/DSST ngày 12/7/2023 của TAND quận Ninh kiều, thành phố Cần Thơ tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông **Hồ Thanh G**.

Hủy Hợp đồng thi công số: 070820/HĐTC-NTĐG/2020 ngày 07/8/2020 giữa ông **Hồ Thanh G** với **Công ty TNHH T2**.

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc **C2** hoàn trả lại cho nguyên đơn số tiền 888.132.400 đồng; bồi thường số tiền 888.132.400 đồng; phạt vi phạm hợp đồng 266.439.720 đồng

3. Không chấp nhận yêu cầu buộc bị đơn trả lại cho nguyên đơn số tiền 187.000.000 đồng cùng với lãi suất.

Buộc bị đơn **C2** có nghĩa vụ giao 04 giường ngủ như đã thỏa thuận cho nguyên đơn.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự theo qui định.

Ngày 20/7/2023 nguyên đơn ông **Hồ Thanh G** có đơn kháng cáo một phần bản án sơ thẩm về việc bác các yêu cầu của ông: Yêu cầu **Công ty T2** trả cho ông 888.132.400 đồng và bồi thường số tiền 888.132.400 đồng; phạt vi phạm hợp đồng 266.439.720 đồng; **Công ty T2** phải trả 187.000.000 đồng tiền 04 cái giường ngủ và 21.037.500 tiền lãi. Đề nghị cấp phúc thẩm sửa án sơ thẩm chấp nhận các yêu cầu này của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn kháng cáo giữ nguyên yêu cầu.

**** Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát:***

- Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án tuân theo pháp luật; những người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình. Việc thụ lý vụ án của Tòa án là đúng thẩm quyền, việc xác định tư cách tố tụng là phù hợp.

- Về nội dung: Từ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và kết quả tranh tụng tại phiên tòa cho thấy cấp sơ thẩm xử là có căn cứ, nguyên đơn kháng cáo nại ra các lý do cho rằng phía bị đơn có lỗi nhưng không cung cấp thêm chứng cứ nào khác nên không có cơ sở để xem xét kháng cáo của nguyên đơn (có bài phát biểu kèm theo). Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn, giữ y bản án sơ thẩm.

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, quan điểm của kiểm sát viên;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Về quan hệ pháp luật, thẩm quyền giải quyết:* Ông **Hồ Thanh G** khởi kiện yêu cầu hủy bỏ hợp đồng thi công đồ gỗ nội thất với **Công ty TNHH T2**. Quan hệ pháp luật được xác định là “*Tranh chấp hợp đồng thi công*” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Ninh Kiều theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm g khoản 1 Điều 40 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] *Về thủ tục tố tụng:*

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan **Công ty cổ phần N** được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải không rõ lý do. Vì vậy, Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật. Tại phiên tòa **Công ty cổ phần N** tiếp tục vắng mặt không rõ lý do, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan **Công ty C1** có yêu cầu giải quyết vắng mặt. Vì vậy, căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung là phù hợp.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[3.1] Xét yêu cầu hủy Hợp đồng thi công số 070820/HĐTC-NTĐG/2020 ngày 07/8/2020 giữa ông **Hồ Thanh G** với **Công ty TNHH T2**.

Nguyên đơn yêu cầu hủy hợp đồng thi công cho rằng phía bị đơn chậm trễ tiến độ so với thỏa thuận trong hợp đồng đã ký là 04 tháng. Đồng thời do năng

lực của phía bị đơn kém nên sản phẩm thi công không đạt chất lượng như hợp đồng đã ký.

- Xét về tiến độ thi công: Căn cứ vào biên bản làm việc nghiệm thu tiến độ thi công đồ gỗ có xác nhận của ông **Ngô Minh D** (không ghi ngày, tháng, năm) là đại diện của đơn vị giám sát thi công của **Công ty Cổ phần N** xác định: *“Tiến độ công trình đạt: Qua kiểm tra thực tế tại xưởng bằng mắt thường đánh giá khối lượng nhà thầu sản xuất dự tính khoảng 5% so với ngày kiểm tra 01/11/2020, lúc này đánh giá tạm tính theo báo cáo trong ngày được 80%. Theo quan điểm cá nhân, khối lượng sản xuất thực tế đến thời điểm hiện tại dự tính khoảng 85% trên tổng hạng mục”*. Vì vậy, tiến độ thi công và chất lượng sản phẩm được kiểm tra phù hợp theo thỏa thuận của các bên.

Nhận thấy, qua làm việc với **Công ty C1** là đơn vị thi công nhà của ông **G** xác định: Căn cứ hợp đồng thi công số 055020/HĐCNP ngày 05/5/2020 công trình biệt thự của ông **G** được thi công trong thời gian 09 tháng từ ngày 05/5/2020 đến ngày **30/01/2021** bàn giao, tuy nhiên do phát sinh điều chỉnh thiết kế trong giai đoạn hoàn thiện nên ngày 04/3/2021 giữa ông **G** và **Công ty C1** ký phụ lục hợp đồng gia hạn thời gian hoàn thành đến ngày **30/5/2021** (bút lục 384) nhưng còn một số hạng mục phát sinh khác **Công ty C1** vẫn qua hỗ trợ công trình, vì các phần hoàn thiện cần hỗ trợ (bút lục 436).

Căn cứ vào biên bản làm việc ngày **17/6/2021** (do phía nguyên đơn cung cấp) thể hiện nội dung công trình đã đủ điều kiện thi công và bàn giao mặt bằng theo yêu cầu của đơn vị thi công đồ gỗ. Vì vậy, có đủ cơ sở xác định ông **G** bàn giao mặt bằng cho **Công ty T2** có thể so với thỏa thuận trong hợp đồng.

Ngoài ra, tại các biên bản làm việc ngày 11/6/2021, ngày 19/6/2021, ngày 23/6/2021 thể hiện giữa các bên có sự trao đổi về phương hướng giải quyết đối với việc khắc phục sửa chữa những sai sót trong quá trình thi công và đưa ra thời hạn cuối cùng để hoàn thành việc lắp đặt đồ gỗ nội thất đến ngày **04/9/2021**. Tuy nhiên, trong quá trình thỏa thuận và chưa hết thời hạn nêu trên phía nguyên đơn đã tự ý tháo dỡ những hạng mục do phía bị đơn đã lắp đặt trước đó, đồng thời tại Email ngày 30/6/2021 của ông **G** gửi **Công ty T2** có nội dung cấm người của **Công ty T2** vào công trình nhà của ông **G** từ sau ngày 03/7/2021. Do đó, phía nguyên đơn đã vi phạm về thời hạn thỏa thuận để khắc phục sự cố và lắp đặt nội thất. Mặt khác, tại biên bản lấy lời khai của **Công ty C1** (bút lục 436) xác định: *“Trong quá trình xây dựng công trình của ông **G** có nhiều hạng mục thay đổi so với thiết kế ban đầu gồm: Cột, cửa, sàn...và nhiều hạng mục khác...”*(thể hiện

qua các bản vẽ thiết kế do Công ty C1 cung cấp). Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa phía nguyên đơn và bị đơn thống nhất thừa nhận việc ký hợp đồng gia công và thi công đồ gỗ nội thất đều dựa trên thiết kế và số liệu thi công biệt thự của ông G, tuy nhiên khi thay đổi thiết kế phía nguyên đơn không thông báo cho bị đơn biết để điều chỉnh cho phù hợp, cho nên đến khi lắp đặt vào thực tế thì không thực hiện được. Qua các Email và biên bản làm việc thể hiện phía bị đơn có yêu cầu phía nguyên đơn điều chỉnh cho phù hợp nhưng phía nguyên đơn không phản hồi và không hợp tác. Căn cứ theo Điều 6.2 của hợp đồng phía nguyên đơn đã vi phạm nghĩa vụ cung cấp thông tin cho phía bị đơn dẫn đến chậm trễ thực hiện hợp đồng.

Căn cứ biên bản kiểm tra hiện trạng công trình (bút lục 416) và Công văn số 312/TTQLN&CLCT của Trung tâm quản lý nhà ở và chất lượng công trình xây dựng của Sở Xây dựng thành phố C xác định hiện trạng công trình tại thời điểm khảo sát hiện trường đã thay đổi so với vi bằng nguyên đơn cung cấp (ghi nhận tại thời điểm khảo sát hiện trường có nhà thầu khác đang thi công phần gỗ và cơ bản đã hoàn thiện) nên không còn hiện trạng để giám định. Vì vậy, có cơ sở xác định nguyên đơn đã vi phạm làm dẫn đến hợp đồng không thể thực hiện được.

- Xét về năng lực thi công của bị đơn: Nguyên đơn cho rằng do năng lực của bị đơn yếu nên quá trình thi công và gia công gỗ không đạt chất lượng vì vậy đề nghị hủy hợp đồng. Xét thấy, việc tìm hiểu thông tin về nhà thầu, thỏa thuận và ký kết hợp đồng là sự tự nguyện thỏa thuận của các bên không có sự ép buộc hay đe dọa, đồng thời trong hợp đồng ký kết không có các điều khoản quy định về việc hủy bỏ hợp đồng liên quan đến năng lực thi công của nhà thầu. Do đó, nguyên đơn nại ra lý do này là chưa có cơ sở thuyết phục.

Do hiện tại nhà của nguyên đơn đã hoàn thành và nội thất đã do đơn vị khác hoàn thiện nên việc tiếp tục thực hiện hợp đồng là không thể thực hiện được. Vì vậy, cần chấp nhận yêu cầu hủy hợp đồng thi công số 070820/HĐTC-NTĐG/2020 của nguyên đơn.

Đối với yêu cầu này các bên đương sự không có kháng cáo nên không xem xét lại.

[3.2] Xét yêu cầu C3 hoàn trả lại cho nguyên đơn số tiền 888.132.400 đồng; bồi thường số tiền 888.132.400 đồng và phạt vi phạm hợp đồng 266.439.720 đồng; phải trả 187.000.000 đồng và lãi suất. Đồng nghĩa với việc xét các yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn ông Hồ Thanh G.

Như trên đã phân tích do lỗi của nguyên đơn không hợp tác trong quá trình thi công, không sửa chữa các hạng mục thay đổi so với thiết kế ban đầu và vi phạm nghĩa vụ cung cấp thông tin trong quá trình thực hiện hợp đồng dẫn đến hợp đồng không thể thực hiện được. Vì vậy, không có căn cứ để cho rằng bị đơn có lỗi, do vậy không chấp nhận yêu cầu bồi thường thiệt hại của nguyên đơn.

Về yêu cầu Công ty TNHH T2 trả lại cho nguyên đơn số tiền 187.000.000 đồng và lãi suất phát sinh 0.75% tính từ ngày 10/8/2020 tạm tính đến ngày xét xử sơ thẩm và nguyên đơn cho rằng, đối với 04 giường ngủ do phía bị đơn bàn giao chậm tiến độ nên không đồng ý nhận sản phẩm. Nhận thấy, giữa nguyên đơn và bị đơn đều thống nhất thừa nhận nguyên đơn có đặt 04 giường ngủ và đã thanh toán tổng số tiền là 187.000.000 đồng. Căn cứ vào biên bản xác minh sự việc ngày 10/6/2023 thể hiện tại kho của bị đơn thuộc khóm B, thị trấn C, huyện C, tỉnh An Giang có 04 mẫu giường (02 giường đã lắp ráp và 02 giường chưa lắp) kích thước 02m x 2.2m.

Mặc dù giữa nguyên đơn và bị đơn không có thỏa thuận bằng văn bản về quy cách, kiểu mẫu và thời hạn giao hàng, tuy nhiên trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn và bị đơn đều thống nhất trình bày có việc thỏa thuận gia công 04 giường ngủ và thời điểm giao 04 giường ngủ là sau khi hoàn thành việc lắp đặt đồ gỗ nội thất nhà nguyên đơn. Điều đó có cơ sở khẳng định giữa nguyên đơn và bị đơn đã thỏa thuận được toàn bộ nội dung về kích thước, kiểu dáng của sản phẩm và thời hạn kết thúc hợp đồng. Mặt khác, tại Email ngày 30/6/2021 gửi cho Công ty T2 nguyên đơn cấm Công ty T2 vào nhà của nguyên đơn sau ngày 03/7/2021, do đó phía bị đơn không thể giao hàng cho bị đơn. Hơn nữa, từ sau thời điểm xảy ra mâu thuẫn nguyên đơn đã thuê đơn vị khác để lắp đồ gỗ nội thất và sau khi hoàn thiện nguyên đơn cũng không có liên hệ hoặc làm việc với bị đơn về việc giao 04 giường ngủ. Xét thấy, bị đơn đã hoàn thành sản phẩm theo thỏa thuận nhưng nguyên đơn đã vi phạm thỏa thuận và đơn phương chấm dứt hợp đồng, do vậy căn cứ khoản 2 Điều 551 Bộ luật Dân sự năm 2015 cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu này của nguyên đơn là có căn cứ.

Tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn kháng cáo nại ra các lý do cho rằng bị đơn có lỗi, vi phạm hợp đồng nhưng không cung cấp thêm chứng cứ mới nào khác để chứng minh, vì vậy không có cơ sở để xem xét các yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn, do kháng cáo của bị đơn không có căn cứ để chấp nhận và Bản án sơ thẩm xử là có căn cứ được giữ nguyên.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn phải chịu án phí do yêu cầu

không được chấp nhận nguyên đơn được chấp nhận.

[5] Về án phí dân sự phúc thẩm: Nguyên đơn phải chịu án phí do yêu cầu kháng cáo không được chấp nhận.

[6] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát: Nhận xét và đề nghị của Kiểm sát viên phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.
- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

- Về hình thức: Chấp nhận đơn kháng cáo hợp lệ của ông **Hồ Thanh G.**
- Về nội dung: Không chấp nhận đơn nội dung yêu cầu kháng cáo của ông **Hồ Thanh G.**

Giữ nguyên bản án sơ thẩm;

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông **Hồ Thanh G.**

Hủy Hợp đồng thi công số: 070820/HĐTC-NTĐG/2020 ngày 07/8/2020 giữa ông **Hồ Thanh G** với **Công ty TNHH T2.**

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc **C2** hoàn trả lại cho nguyên đơn số tiền 888.132.400 đồng; bồi thường số tiền 888.132.400 đồng; phạt vi phạm hợp đồng 266.439.720 đồng.

3. Không chấp nhận yêu cầu buộc bị đơn trả lại cho nguyên đơn số tiền 187.000.000 đồng cùng với lãi suất.

Buộc bị đơn **C2** có nghĩa vụ giao 04 giường ngủ như đã thỏa thuận cho nguyên đơn.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn phải chịu 76.594.090 đồng, khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 38.207.500 đồng nguyên đơn đã nộp theo biên lai thu tiền số 0001461 ngày 09/12/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ. Nguyên đơn còn phải nộp 38.386.590 đồng.

5. Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông **Hồ Thanh G** phải nộp 300.000 đồng, chuyển số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu số 0001398 ngày 26/7/2023 của **Chi cục THADS quận N** thành án phí (nộp xong).

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án 31/01/2024.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- VKSND TPCT;
- TAND q. Ninh Kiều;
- CCTHA DS q. Ninh Kiều;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Phan Thị Hồng Dung